

Số: 108/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Đồng Tháp, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đồng Tháp của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đồng Tháp theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Đồng Tháp cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Đồng Tháp.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo Nghị quyết số: 108/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,96	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,00
Tiêu chuẩn 1	4,00	Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,00	Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 3	4,00	Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 4	3,75	Tiêu chuẩn 16	4,00
Tiêu chuẩn 5	3,75	Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,14	Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 7	4,00	Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 8	4,00	Tiêu chuẩn 20	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,08	Tiêu chuẩn 21	4,25
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4. Kết quả hoạt động	3,90
Tiêu chuẩn 10	4,50	Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chuẩn 11	4,00	Tiêu chuẩn 23	3,83
Tiêu chuẩn 12	3,80	Tiêu chuẩn 24	4,00
		Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

*(Kèm theo Nghị quyết số: 108/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được xây dựng qua các giai đoạn, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập và rà soát đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành. Các kế hoạch chiến lược cốt lõi được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch hành động và được triển khai, giám sát, đánh giá; các chế độ, chính sách về phát triển đội ngũ, người học và quan hệ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động được quan tâm rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến; mạng lưới đối tác, quan hệ đối ngoại có sự phát triển nhanh. Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ được thực hiện tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT và nguồn học liệu được tăng cường đầu tư; môi trường sinh thái và môi trường học tập được tạo dựng tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập theo mô hình ba cấp và vận hành khá hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi đảm bảo cho việc thực hiện các kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ đảm bảo chất lượng hàng năm. Công tác tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện định kỳ; nhiều tồn tại được phát hiện đã được lập kế hoạch khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng khá hoàn chỉnh và hỗ trợ kịp thời cho các cấp ra quyết định trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai; kết quả tuyển sinh khá ổn định và có sự gia tăng. Các chương trình đào tạo được xây dựng, rà soát, điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành, chú trọng khả năng tự học của người học và khuyến khích sự tham gia của nhà tuyển dụng vào quá trình đào tạo; kết quả học tập của người học được đánh giá theo quy trình khá chặt chẽ. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập với các chính sách phù hợp đã hướng tới nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường; công tác quản lý được triển khai, được hoạt động được giám sát và cải tiến.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý kết quả học tập, rèn luyện của người học được xây dựng, được hỗ trợ bởi phần mềm giúp theo dõi, giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp theo từng khoá học và trình độ đào tạo; đã định danh được các loại hình và xác lập được khối lượng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên và người học; kết quả nghiên cứu khoa học có sự gia tăng về số lượng và chất lượng, nhiều đề tài có tiềm

năng ứng dụng. Các loại hình tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội đã được xác lập và có được sự ghi nhận, đánh giá cao của Bộ GD&ĐT, Trung ương Đoàn và tỉnh Đồng Tháp. Các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đạt được những kết quả ban đầu đáng ghi nhận.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn tính đến đầy đủ bối cảnh, xu hướng về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khát vọng xây dựng Việt Nam phồn vinh, phù hợp với thế mạnh nổi trội của văn hóa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và tỉnh Đồng Tháp; phát triển các giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, bộ quy tắc ứng xử,... thành văn hoá Trường phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng; hợp tác sâu rộng, hiệu quả với tất cả các bên liên quan trong xây dựng và phát triển, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, xây dựng khẩu hiệu hành động, văn hoá để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng; áp dụng quản trị đại học tiên tiến, công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số, thành tựu CMCN 4.0, tích hợp vào trong các quy định, hướng dẫn các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng.

2. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị theo sứ mạng, tầm nhìn, thành tựu CMCN 4.0, chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và áp dụng hiệu quả quy trình PDCA với sự tham gia của các bên liên quan; nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch, bền vững và khả năng quản trị rủi ro mọi hoạt động của hệ thống quản trị dựa vào bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; tăng cường giám sát toàn diện theo quy định đối với các hoạt động hệ thống quản trị; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ về quản trị đại học tiên tiến, xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển dựa vào sự cân bằng, hài hoà lợi ích của các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trước xã hội, đảm bảo tính bền vững, năng lực quản trị rủi ro tiềm tàng của các hoạt động của hệ thống quản trị.

3. Kịp thời cập nhật, ban hành mới hệ thống văn bản quản lý, điều hành đồng bộ theo Quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định mới của Nhà nước; chú trọng công tác truyền thông, quảng bá, công bố và triển khai thực hiện chiến lược cụ thể, trong đó có cụ thể hoá các hành động để hướng đến sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển; xây dựng đề án và triển khai thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo các hướng dẫn; thực hiện quy hoạch viên chức quản lý quyết liệt gắn với bồi dưỡng để đảm bảo tính khả thi về tiêu chuẩn, điều kiện và năng lực lãnh đạo, quản trị, quản lý sau bổ nhiệm

4. Xây dựng ma trận thể hiện rõ mối quan hệ các mục tiêu cho từng lĩnh vực hoạt động hướng đến được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, nhất là có thương hiệu tầm khu vực vào năm 2030; có giải pháp để khai thác được những góp ý của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, các nhà chính trị, chính quyền địa phương trong kế hoạch chiến lược và truyền thông rộng rãi đến các bên liên quan; có các hướng dẫn để cụ thể hoá và triển khai thực hiện từng hoạt động; nghiên cứu, tham khảo bộ tiêu chí xếp hạng đại học một số tổ chức xếp hạng có uy tín trên thế giới hoặc trong nước để có các chỉ tiêu phân đầu cụ thể và có được thứ hạng bảng xếp hạng như tầm nhìn đã tuyên bố; thể hiện rõ dự báo khái lược nguồn lực tài chính và con người để thực

hiện cho từng nội dung và cần được cụ thể hoá trong quy chế tài chính của Nhà trường nằm trong nhóm các quỹ điều tiết.

5. Kịp thời rà soát, bổ sung các văn bản chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ để phù hợp với Quy chế Tổ chức và hoạt động mới; cụ thể hoá mô hình quản trị tiên tiến trong quá trình xây dựng chính sách; thực hiện đánh giá tác động của các chính sách sau rà soát hoặc ban hành mới và mức độ hài lòng của các bên liên quan; ban hành một số chính sách mang tính đột phá về đội ngũ, đào tạo, NCKH, PVCĐ; lựa chọn những hoạt động mang tính chiến lược, đột phá lớn để ban hành được các nghị quyết chuyên đề chỉ đạo xuyên suốt cả nhiệm kỳ; ban hành văn bản cụ thể quy định về các nội dung và danh mục các hoạt động PVCĐ để làm căn cứ tính giờ và tiêu chí đánh giá các hoạt động PVCĐ của mỗi viên chức, lao động và người học.

6. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ và dựa vào đó xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực; có các giải pháp đột phá, đủ mạnh nhằm giữ chân người tài, thu hút được nguồn nhân lực có trình độ từ tiến sĩ trở lên về công tác tại trường đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; ban hành hệ thống KPIs nhằm thực hiện đánh giá hiệu quả thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch; thường xuyên tiến hành lấy ý kiến đối với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nhằm rà soát, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực.

7. Bổ sung chiến lược tài chính trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030 chú trọng nhiều hơn đến việc đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế,... và tăng chi cho NCKH; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án chuyển đổi số nhằm tăng cường trang thiết bị và hạ tầng CNTT, cải thiện hệ thống wifi và đường truyền internet, thích ứng với sự thay đổi của môi trường CNTT theo mô hình đại học thông minh, đại học số; cập nhật, bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo, có cơ chế để GV cung cấp Bài giảng điện tử cho thư viện quản lý; cải tạo, nâng cấp một số phòng thí nghiệm hóa sinh đảm bảo thông thoáng, an toàn, có phương án thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải hóa chất, độc hại; xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn.

8. Xây dựng, ban hành văn bản quản lý hoạt động hợp tác trong nước, phân công đơn vị đầu mối; hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ báo (KPIs) và thực hiện rà soát tổng thể về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại và mạng lưới đối tác trong nước hàng năm; hoàn thiện mạng lưới đối tác chiến lược; có các chính sách, cơ chế cụ thể để tăng cường và khuyến khích các đơn vị, cá nhân và phát huy hiệu quả của các hợp tác trong liên kết đào tạo quốc tế, lĩnh vực NCKH, chuyển giao tri thức và công nghệ, tư vấn chính sách.

9. Rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn công tác ĐBCL bên trong; hoàn thiện và ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở cho việc lập kế hoạch ĐBCL hằng năm; cải tiến công tác lập kế hoạch, thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể một cách bài bản, quy trình lập kế hoạch các hoạt động, các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu, ... có phân tích, đánh giá, các thuận lợi, thách thức, tồn tại và tình hình thực tế của đơn vị cùng kết quả triển khai các nhiệm vụ để tiếp tục cải tiến nhằm thực hiện được đầy đủ các mục tiêu chiến lược và mục tiêu về đảm bảo chất lượng; có các hình thức

truyền thông, phổ biến về chính sách chất lượng; nâng cao nhận thức và ý thức đối với công tác ĐBCL cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng nhà trường.

10. Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về mục đích, ý nghĩa của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài để tăng sự hiểu biết, đồng thuận và tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động ĐBCL; tổ chức nghiên cứu, phân tích sâu sắc các phát hiện của tự đánh giá và đánh giá ngoài, xây dựng giải pháp, huy động các nguồn lực phù hợp để các cải tiến được triệt để và thực chất; nên tiếp tục rà soát quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài, trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được, phân tích những thuận lợi, khó khăn trong từng khâu của quy trình để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

11. Sớm có giải pháp tích hợp việc quản lý các thông tin về NCKH và PVCĐ vào hệ thống chung; hướng dẫn các đơn vị liên quan phân tích, xử lý đầy đủ các thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và cựu người học, trên cơ sở đó đánh giá xu hướng, dự báo, phân tích nguyên nhân và kết quả, và sự tương quan làm cơ sở cho việc ra quyết định; xây dựng một văn bản hoàn chỉnh các quy định và hướng dẫn về việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong; định kỳ rà soát về số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; đánh giá về các chỉ số nhận diện và chỉ số ảnh hưởng của trang thông tin điện tử của Nhà trường để tăng cường hiệu quả truyền thông và quảng bá cho Trường; đánh giá hiệu quả của các cải tiến về quản lý thông tin ĐBCL bên trong trong việc hỗ trợ tốt hơn các lĩnh vực công tác của Nhà trường.

12. Sớm hoàn thiện Đề án nâng cao chất lượng giai đoạn 2021-2025 phù hợp với chủ trương, định hướng chung của Chính phủ; rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành lại quy định và hướng dẫn về so chuẩn đối sánh chất lượng giáo dục bao gồm các tiêu chí lựa chọn đối sánh, có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục khác ở trong nước, có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh trong mọi lĩnh vực hoạt động quản lý, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để xây dựng các giải pháp cải tiến toàn diện và thúc đẩy, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; xây dựng được mạng lưới đối tác để thực hiện đối sánh; xây dựng CSDL về thông tin và kết quả so chuẩn và đối sánh để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực hoạt động.

13. Có chính sách đột phá để thu hút thí sinh giỏi đăng ký xét tuyển vào học các CTĐT; đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh, phân tích kỹ và đầy đủ các dữ liệu có liên quan đến công tác tuyển sinh để có những điều chỉnh phù hợp; xây dựng kế hoạch; ban hành quy trình chi tiết về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; thực hiện việc đánh giá, phân tích kết quả giám sát công tác tuyển sinh và nhập học để cải tiến chất lượng biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học; tiếp tục huy động sự tham gia của tất cả các đơn vị và cán bộ trong hoạt động truyền thông tuyển sinh; đổi mới nội dung thông tin truyền thông, đặc biệt là các ngành có tỉ lệ nhập học thấp; đầu tư biên soạn tài liệu về truyền thông tuyển sinh.

14. Ban hành hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các quy trình khi xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT để thực hiện thống nhất; tổ chức tập huấn cho tất cả GV và cán bộ quản lý chuyên môn về kỹ năng xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của các học phần; có hướng dẫn tiêu chí lựa chọn các cơ sở đào tạo để tham khảo; thực hiện rà soát đối với tất cả các CTĐT cùng trình độ theo một chu kỳ để dễ hơn trong triển khai, quản lý và thực hiện; khẩn trương xây dựng kế hoạch và triển khai rà soát, cập nhật các chương trình tiên sĩ; có giải pháp

để việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước/quốc tế được hiệu quả, cập nhật những yêu cầu mới của ngành đào tạo, bổ sung cho SV năng lực khởi nghiệp và một số kỹ năng mềm theo yêu cầu của CMCN 4.0 về năng lực ngoại ngữ và tin học.

15. Nghiên cứu xây dựng quy định, hướng dẫn GV xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, đạt được chuẩn đầu ra; tiếp tục có các chính sách hiệu quả, phù hợp để nâng cao số lượng GV có học hàm PGS và TS; đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước để gửi SV đi thực tập thực tế; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề, tăng kiến thức thực tế cho SV và phát triển hình thức service learning.

16. Có quy định, hướng dẫn GV lựa chọn các loại hình đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; định kỳ thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, chính xác và khách quan, công bằng; thiết kế, lựa chọn các hình thức thi, kiểm tra đa dạng, phù hợp để đánh giá mức độ đạt được của mỗi chuẩn đầu ra của học phần, nhất là hình thức đánh giá kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời của người học.

17. Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn nội dung chi tiết các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; làm rõ hệ thống giám sát người học (phần mềm quản lý; cơ sở dữ liệu đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của người học); quy định tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; tiến hành rà soát kỹ lưỡng hệ thống văn bản quy phạm để xác định cụ thể các nội dung bất cập, hạn chế để điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp.

18. Rà soát chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN và các cơ chế, chính sách hiện hành để khuyến khích và thúc đẩy CBGV trong NCKH; có giải pháp thúc đẩy mạnh và tạo nguồn thu từ chuyển giao kết quả KHCN, thương mại hóa; xây dựng nhóm nghiên cứu và các chương trình NCKH liên ngành có khả năng ứng dụng phục vụ phát triển KT-XH vùng ĐBSCL; tăng cường liên kết, hợp tác các địa phương, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước trong nghiên cứu và chuyển giao; khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động KHCN và tăng cường đối sánh để đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu và có cải tiến cho từng giai đoạn.

19. Có chính sách hỗ trợ để thúc đẩy các nhà khoa học triển khai đăng ký bản quyền sáng chế, bằng giải pháp hữu ích cho các sản phẩm NCKH; ban hành văn bản công bố chính thức về danh mục, và rà soát, đánh giá hệ thống tài sản trí tuệ của trường; tăng cường thực hiện lấy ý kiến đánh giá và phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan để đánh giá, cải tiến công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ và bảo hộ đối với trường và CBGV; có chiến lược và các giải pháp cụ thể cho việc tăng nhanh hoạt động chuyển giao, thương mại hóa để khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường và đóng góp cho phát triển KT-XH, phục vụ cộng đồng.

20. Ban hành văn bản riêng quy định cụ thể về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản, kết quả hoạt động để có biện pháp cải tiến kịp thời; tăng cường các hoạt động và kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ, cải tiến kỹ thuật, tư vấn, khuyến nghị chính sách; xây dựng hệ thống đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng với các chỉ số, chỉ báo cụ thể; tổng kết, đánh giá đầy đủ và bài bản tác động của các hoạt động, hiệu quả đầu tư và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường và cho cộng đồng, xã hội.

21. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, giao đầu môi theo dõi hợp tác trong nước, có chiến lược, kế hoạch triển khai và các KPIs đánh giá mạng lưới đối tác và các hợp tác trong KH&CN; tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể các hợp tác này để hoàn thiện chính sách và có cơ chế triển khai hoạt động hợp tác trong NCKH sâu rộng hơn, đặc biệt là HTQT trong các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành và liên kết hợp tác doanh nghiệp trong nước để phát huy được toàn bộ tiềm năng, thế mạnh của Trường; có cơ chế thu hút và hợp tác với doanh nghiệp, nhà đầu tư để tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc thương mại hóa kết quả NCKH góp phần phát triển KT-XH khu vực ĐBSCL thể hiện rõ hơn vai trò của hợp tác và phát triển trong NCKH với việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển, sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường.

22. Có các giải pháp mới, khả thi và quyết liệt để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học; tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp sớm; thực hiện giám sát tỉ lệ bỏ học, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của sinh viên hệ VLVH; có các chính sách cụ thể và khuyến khích các khoa chuyên môn, các cá nhân giảng viên tăng cường, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp; nghiên cứu tỷ lệ SVTN làm ở khối tư nhân, Nhà nước và nước ngoài của từng ngành để có định hướng, điều chỉnh CDR trong các CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội; có các giải pháp và chính sách tốt hơn để hỗ trợ sinh viên nâng cao được kỹ năng mềm, năng lực chuyên môn cũng như khả năng ngoại ngữ và tin học; tăng cường hơn nữa việc mời các doanh nghiệp đến chia sẻ, tập huấn các công cụ quản trị mới trong doanh nghiệp để SV dễ tiếp cận quản trị số ngay khi ra trường.

23. Tăng cường huy động, tìm kiếm nguồn kinh phí ngoài ngân sách cho NCKH đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH khu vực ĐBSCL và khai thác hết tiềm năng nghiên cứu đa ngành, liên ngành của trường; thiết lập hệ thống hoàn chỉnh từ thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích đánh giá và sử dụng dữ liệu phân tích sau phản hồi để cải tiến các chính sách, cơ chế quản lý hoạt động NCKH và khai thác tài sản trí tuệ; có giải pháp đẩy mạnh sản phẩm NCKH, sáng tạo và đăng ký TSTT; tạo môi trường sinh thái khởi nghiệp thông qua cơ chế hỗ trợ và hình thành các đơn vị, doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, sản xuất thử và thương mại hóa sản phẩm KH&CN để phát huy thế mạnh sẵn có của trường, phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đa dạng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

24. Ban hành các quy định về nội dung, chỉ số, chỉ báo về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; phân công đơn vị đầu mối quản lý; giám sát, tổng kết đánh giá kết quả và tác động xã hội của các hoạt động; làm rõ tác động đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; khảo sát, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan; xây dựng cơ sở dữ liệu làm cơ sở cho việc xây dựng tiêu chí, mục tiêu phấn đấu và cải tiến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường.

25. Xây dựng bổ sung chiến lược tài chính trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030; có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu nhằm thích ứng với sự thay đổi chính sách (giảm NSNN, giảm tuyển sinh hệ không chính quy, giảm hoạt động bồi dưỡng); tăng nguồn thu từ hoạt động liên kết quốc tế về đào tạo, hoạt động KH&CN qua các đề tài /dự án trong và ngoài nước trong đó có tư vấn, chuyển giao CN; tăng chi cho KH&CN theo Nghị định 99; xác định bằng văn bản các chỉ số của các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD (chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng, lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn) và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và

PVCĐ; xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng các trường ĐH theo bảng xếp hạng trong và ngoài nước.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
